

Số: /KH-UBND

Lào Cai, ngày tháng 12 năm 2025

KẾ HOẠCH
TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN “SẢN XUẤT GIẢM PHÁT THẢI LĨNH VỰC TRỒNG
TRỘT GIAI ĐOẠN 2025-2035, TẦM NHÌN ĐẾN 2050”
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Quyết định 4024/QĐ-BNNMT ngày 29/9/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Đề án “Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050” (sau đây gọi là Đề án);

Căn cứ điều kiện tự nhiên, đặc điểm tình hình phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện cụ thể phát triển các vùng sản xuất trồng trọt trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Kết luận số 204-KL/ĐU ngày 16/12/2025 của Thường trực Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 102-NQ/ĐU ngày 16/12/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050” trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa nội dung Đề án “Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050” được phê duyệt tại Quyết định số 4024/QĐ-BNNMT ngày 29/9/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng phát triển ngành Nông nghiệp - Môi trường cũng như định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai.

Khai thác tiềm năng, lợi thế trong lĩnh vực trồng trọt của tỉnh; hình thành và phát triển sản xuất trồng trọt sinh thái, hiện đại, phát thải thấp; góp phần xây dựng nền nông nghiệp bền vững, giảm thiểu tác động đến môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh lương thực.

Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm trồng trọt có truy xuất nguồn gốc carbon, được chứng nhận phát thải thấp, thân thiện với môi trường, tạo điều kiện mở rộng thị trường nông sản sang các quốc gia, khu vực có tiêu chuẩn nghiêm ngặt về môi trường như EU, Nhật Bản, Bắc Mỹ.

2. Yêu cầu

Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã chủ động xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực triển khai các nội dung của Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Thúc đẩy phát triển thị trường nông sản được chứng nhận sản xuất giảm phát thải; từng bước chuẩn bị điều kiện phát triển tín chỉ carbon trong lĩnh vực trồng trọt; gắn với bảo đảm sinh kế nông dân và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

Xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ, trách nhiệm của từng đơn vị; bảo đảm tính khoa học, đồng bộ, khả thi, hiệu quả. Thực hiện nghiêm việc kiểm tra, giám sát, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2035

(1) Phần đầu đến năm 2035, lĩnh vực trồng trọt của tỉnh sẽ góp phần giảm ít nhất 15% tổng lượng phát thải khí nhà kính (CO₂tđ) so với năm cơ sở 2020.

(2) Phần đầu 70% diện tích gieo trồng lúa áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác lúa giảm phát thải, 60% diện tích cây trồng cạn ứng dụng kỹ thuật quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp IPHM (Cây lúa, cây chè, cây ăn quả...).

(3) Xây dựng và phát triển nhãn hiệu “Phát thải thấp” cho 1 - 2 sản phẩm của ngành hàng trồng trọt chủ lực của tỉnh như lúa gạo, chè, cây ăn quả.

(4) Tổ chức triển khai ít nhất 1 - 2 mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải có khả năng nhân rộng; thí điểm một số mô hình canh tác có khả năng phát triển tín chỉ các-bon đáp ứng được yêu cầu của các tổ chức quốc tế.

(5) Phổ biến và áp dụng ít nhất 1-2 gói kỹ thuật sản xuất giảm phát thải do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành cho các cây trồng chủ lực, tiềm năng của tỉnh (lúa gạo, cây ăn quả, chè)

(6) Xây dựng cơ sở dữ liệu phát thải trong trồng trọt kết nối đồng bộ với Hệ thống đăng ký quốc gia.

(7) Tổ chức đào tạo, tập huấn về kỹ thuật, chính sách, nhận thức chung và công cụ đo phát thải cho 100% cán bộ kỹ thuật cơ sở, khuyến nông, nông dân nòng cốt, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

(8) Phổ biến, tuyên truyền rộng rãi các tài liệu truyền thông và hướng dẫn kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành; trang bị kiến thức, nâng cao nhận thức và thúc đẩy chuyển đổi hành vi sản xuất của nông dân theo hướng giảm phát thải.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

(1) Toàn tỉnh phần đầu 100% diện tích cây trồng chủ lực áp dụng quy trình canh tác bền vững, phát triển theo hướng phát thải thấp, sinh thái và hiện đại, trở

thành trụ cột quan trọng trong quá trình chuyển đổi xanh của nền nông nghiệp tỉnh Lào Cai.

(2) Hình thành cơ sở dữ liệu số hóa và phát thải trong trồng trọt, kết nối đồng bộ với hệ thống giám sát quốc gia; xây dựng và phổ cập nhãn hiệu “Phát thải thấp” cho ít nhất 3-5 ngành hàng nông sản chủ lực của tỉnh.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Lựa chọn áp dụng các biện pháp kỹ thuật giảm phát thải phù hợp trong sản xuất trồng trọt của tỉnh.

Tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng phát thải nhà kính trong sản xuất trồng trọt, triển vọng bán tín chỉ carbon của các ngành hàng trồng trọt trên địa bàn; Lựa chọn các gói kỹ thuật canh tác giảm phát thải phù hợp với từng đối tượng cây trồng của tỉnh bảo đảm tính khả thi và khả năng nhân rộng; Các gói kỹ thuật có thể lựa chọn:

Đối với lúa: Một phải năm giảm, ba giảm ba tăng, áp dụng tưới ngập khô xen kẽ, hệ thống thâm canh cải tiến (SRI); sử dụng phân bón hữu cơ, vi sinh, phân chậm tan sẽ thay dần phân vô cơ; thuốc bảo vệ thực vật hóa học được hạn chế, thay thế bằng giải pháp sinh học; tận dụng rơm rạ sau thu hoạch để sản xuất phân hữu cơ, than sinh học; nguyên liệu trồng nấm; Ứng dụng công nghệ số như cảm biến thông minh điều tiết nước, bón phân, phun thuốc, phân tích đất; chuyển điện tích lúa nước kém hiệu quả sang cây trồng hiệu quả kinh tế cao để giảm khí mê tan phát sinh trong canh tác lúa nước

Đối với cây chè, cây ăn quả: Bón phân hữu cơ, quản lý tán cây, tăng độ che phủ đất, tận dụng phế phụ phẩm làm phân bón; Giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học, áp dụng biện pháp sinh học và nông nghiệp hữu cơ

2. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng linh hoạt phù hợp với đặc điểm vùng sinh thái và trình độ canh tác của vùng.

Tiếp tục phát triển mô hình luân canh cây trồng hợp lý một vụ lúa, một vụ màu để nâng cao sức khỏe đất, giảm phát thải.

Tiếp tục phát triển diện tích các cây trồng lâu năm có giá trị cao vừa giúp tăng hiệu quả kinh tế vừa hấp thu các-bon:

Đối với Cây chè: Tiếp tục duy trì và mở rộng vùng chè hữu cơ đạt trên 2.500 ha tại các xã Bản Liền, Phình Hồ, Sơn Lương, Văn Chấn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và đảm bảo xuất khẩu chính ngạch.

Đối với cây ăn quả: Tập trung phát triển các loại cây trồng chủ lực có lợi thế, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng từng vùng. (i) Cây chuối: Phát triển tại những địa phương có điều kiện tự nhiên phù hợp; xây dựng vùng sản xuất tập trung theo hướng VietGAP, cấp mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu, với tổng diện tích khoảng 3.000 ha. (ii) Cây dứa: Phát triển sản xuất chuyên canh, áp dụng phương pháp rải vụ và các tiến bộ khoa học kỹ thuật, tập trung tại các vùng có điều kiện thích hợp, với diện tích khoảng 3.000 ha. (iii) Các cây trồng tiềm năng

khác: Tiếp tục duy trì và phát triển, phân đầu đến năm 2035 đạt diện tích 6.050 ha cây ăn quả ôn đới và 7.500 ha cây có múi.

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa nước kém hiệu quả sang cây trồng cạn khác có hiệu quả cao: Đến năm 2035, dự kiến chuyển đổi khoảng 2.500ha đất nông nghiệp kém hiệu quả (trong đó có diện tích lúa nước) sang phát triển cây ăn quả, cây lâu năm nhằm nâng cao thu nhập cho người dân, đồng thời thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng giảm phát thải, bền vững và hiệu quả.

3. Triển khai mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải gắn với chuỗi giá trị

Phân đầu đến năm 2035 có ít nhất 1-2 mô hình được đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) về phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trong sản xuất lúa, thực hiện tại các xã có vùng sản xuất lúa trọng điểm với quy mô khoảng 4.000 ha; lựa chọn các hợp tác xã hoặc nhóm hộ nông dân đại diện thực hiện, góp phần thúc đẩy sản xuất lúa bền vững, giảm phát thải khí nhà kính và tăng thu nhập cho nông dân thông qua thị trường tín chỉ các-bon.

4. Áp dụng hệ thống đo lường - báo cáo - thẩm định (MRV) và cơ sở dữ liệu phát thải khí nhà kính

Thiết lập hệ thống đo lường - báo cáo - thẩm định (MRV) chuyên biệt cho các cây trồng có khả năng sản xuất phát thải thấp. Giai đoạn 2025- 2035, thiết lập hệ thống đo lường - báo cáo - thẩm định (MRV) cho sản phẩm lúa, chè, chuối của tỉnh.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về phát thải khí nhà kính trong trồng trọt, bao gồm dữ liệu theo cây trồng, vùng sinh thái, biện pháp kỹ thuật, chu kỳ canh tác;

Thiết lập cơ sở dữ liệu về phát thải ngành trồng trọt tại địa phương, liên thông cơ sở dữ liệu với hệ thống kiểm kê khí nhà kính Quốc gia; phối hợp đo lường, báo cáo mức giảm phát thải khí nhà kính từ sản xuất nông nghiệp định kỳ theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Ứng dụng các công cụ hỗ trợ thu thập dữ liệu thực địa, số hóa quá trình theo dõi và đánh giá (ứng dụng di động, phần mềm nền tảng web), tạo thuận lợi cho cán bộ kỹ thuật và nông dân tiếp cận.

5. Nâng cao năng lực và chuyển đổi nhận thức

Tổ chức các chương trình truyền thông, tập huấn chuyển đổi nhận thức chung về canh tác giảm phát thải, về phát triển các chuỗi giá trị trồng trọt theo hướng tuần hoàn, bền vững, giảm phát thải...

Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên sâu về kỹ thuật canh tác giảm phát thải, sử dụng cơ sở dữ liệu phát thải khí nhà kính hệ thống MRV (đo lường - báo cáo - thẩm định), tín chỉ các-bon ... cho cán bộ quản lý nông nghiệp các cấp, hệ thống khuyến nông, doanh nghiệp và nông dân nòng cốt.

Thực hiện truyền thông thông qua báo chí, mạng xã hội, hội thi, hội chợ và triển lãm nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về lợi ích và xu hướng sản xuất trồng trọt giảm phát thải.

6. Xúc tiến thương mại, kết nối thị trường cho các sản phẩm phát thải thấp

Triển khai cấp nhãn hiệu chứng nhận “Phát thải thấp” đối với 3-5 ngành hàng chủ lực, tiềm năng như lúa gạo, chè, cây ăn quả... Ưu tiên xây dựng vùng trồng đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ và các tiêu chuẩn tiên tiến tương đương; cấp mã số vùng trồng và hỗ trợ truy xuất nguồn gốc để phục vụ chế biến, bảo quản, kéo dài thời gian tiêu thụ và xuất khẩu, đặc biệt sang các thị trường yêu cầu về mã số vùng trồng như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu (EU) Úc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Canada, Nga và các nước thuộc khối ASEAN"

Hàng năm, thực hiện 01 chương trình truyền thông tiêu dùng xanh, ưu tiên lựa chọn nông sản phát thải thấp, hướng tới thay đổi hành vi tiêu dùng bền vững.

Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư công nghệ chế biến đối với các sản phẩm trồng trọt phát thải thấp kết hợp phát triển du lịch sinh thái, nông nghiệp xanh nhằm quảng bá và nâng cao giá trị thương hiệu cho các sản phẩm đặc sản của địa phương như các sản phẩm gạo đặc sản, mận Tam Hoa, mận Tả Van, chè Shan, bưởi Đại Minh, cam sành Lục Yên...

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về giảm phát thải trong trồng trọt

Lồng ghép các hoạt động hỗ trợ phát triển sản phẩm phát thải thấp vào các chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình OCOP và các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hiện có, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và phát huy hiệu quả nguồn lực.

Phát huy vai trò vận động, tuyên truyền và giám sát xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, liên minh hợp tác xã và cộng đồng dân cư trong quá trình triển khai Kế hoạch tại địa phương.

Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo đúng hướng dẫn, quy trình giám sát và đánh giá định kỳ kết quả giảm phát thải do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành, bảo đảm minh bạch, khách quan và kịp thời điều chỉnh khi cần thiết.

2. Giải pháp về đào tạo, truyền thông và nâng cao nhận thức

Phối hợp với các đơn vị nghiên cứu, cơ quan chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng bộ tài liệu chuẩn hóa, bao gồm: sổ tay kỹ thuật, tờ rơi, áp phích, video hướng dẫn... phù hợp với các sản phẩm trồng trọt có tiềm năng sản xuất phát thải thấp của tỉnh.

Tổ chức đào tạo cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, cán bộ quản lý, hợp tác xã và nông dân nòng cốt về canh tác giảm phát thải theo từng nhóm cây trồng (lúa, chè, chuối).

Phối hợp với các cơ quan truyền thông đại chúng, mạng xã hội để tuyên truyền, lan tỏa mô hình canh tác giảm phát thải.

Lồng ghép nội dung canh tác giảm phát thải vào chương trình đào tạo nghề nông nghiệp, khuyến nông và các chương trình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật của các trường, trung tâm giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh.

2. Giải pháp về khoa học - công nghệ và chuyển giao kỹ thuật

Ưu tiên triển khai các dự án, đề tài nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, các mô hình trình diễn trong kỹ thuật canh tác giảm phát thải, phù hợp với từng loại cây trồng và điều kiện sản xuất cụ thể của địa phương. Đẩy mạnh ứng dụng các biện pháp khoa học - công nghệ như sử dụng phế phụ phẩm để sản xuất than sinh học, dùng phân bón hữu cơ và thuốc bảo vệ thực vật sinh học... nhằm giảm phát thải, bảo vệ môi trường và cải thiện chất lượng đất.

Triển khai hiệu quả công nghệ số, cảm biến, trí tuệ nhân tạo và nông nghiệp chính xác để tối ưu hóa việc quản lý nước tưới, phân bón và giám sát phát thải trong trồng trọt; đồng thời ứng dụng trong quản lý vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc và thống kê sản lượng giảm phát thải. Tăng cường chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về trồng trọt giảm phát thải thông qua hệ thống khuyến nông, hợp tác xã và doanh nghiệp dịch vụ nông nghiệp, bảo đảm các giải pháp được áp dụng đồng bộ, hiệu quả và phù hợp thực tiễn.

3. Giải pháp về tổ chức sản xuất và xúc tiến thương mại

Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng nâng cao hiệu quả sử dụng đất, ưu tiên chuyển diện tích canh tác có giá trị thấp (như ngô, sắn, lúa một vụ) sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao, phù hợp với nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Thực hiện hiệu quả các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến gắn với vùng nguyên liệu theo mô hình đồng quản lý phát thải.

Khuyến khích phát triển mô hình kinh tế hợp tác, tổ hợp tác, hợp tác xã đóng vai trò hạt nhân trong tổ chức sản xuất trồng trọt phát thải thấp, nhất là với các ngành hàng chủ lực như lúa gạo, chè, cây ăn quả..., gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc và từng bước tiếp cận thị trường tín chỉ carbon. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã để trở thành cầu nối giữa doanh nghiệp và nông dân trong đầu tư vùng nguyên liệu, đồng quản lý phát thải và truy xuất nguồn gốc carbon cho sản phẩm trồng trọt.

Đẩy mạnh xây dựng, quảng bá thương hiệu doanh nghiệp và sản phẩm nông nghiệp của tỉnh; phát triển thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất, chế biến nhằm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm; xây dựng mã số vùng trồng, mã định danh, mã QR Code phục vụ truy xuất nguồn gốc, đảm bảo minh bạch thông tin và nâng cao niềm tin của người tiêu dùng.

4. Giải pháp về hợp tác quốc tế và hội nhập

Tăng cường kết nối, hợp tác với các tổ chức quốc tế như FAO, WB, GREAT, JICA... nhằm huy động nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật, tài chính phục vụ nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao kỹ thuật, tư vấn chính sách và xây dựng các mô hình, dự án về các-bon. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận thị trường xuất khẩu thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, đàm phán mở cửa thị trường, quảng bá nông sản phát thải thấp tại các hội chợ trong nước và quốc tế, góp phần nâng cao vị thế và giá trị nông sản của tỉnh

5. Giải pháp về nguồn lực tài chính

Huy động, lồng ghép đa dạng các nguồn lực để triển khai hiệu quả các hoạt động sản xuất giảm phát thải trong lĩnh vực trồng trọt, bao gồm:

Ngân sách nhà nước, vốn sự nghiệp khoa học, khuyến nông và các chương trình mục tiêu quốc gia được sử dụng cho việc xây dựng chính sách, phát triển cơ sở dữ liệu, đào tạo, thực hiện mô hình thí điểm, hoạt động khuyến nông và giám sát tại địa phương.

Vốn tư nhân, vốn xã hội hoá tập trung cho các hoạt động tổ chức sản xuất, phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ kỹ thuật và thu mua nông sản; đầu tư thiết bị canh tác, mở rộng diện tích áp dụng quy trình giảm phát thải, vận hành hệ thống MRV, hệ thống truy xuất nguồn gốc các-bon, ứng dụng công nghệ số và đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản nông sản theo hướng giảm phát thải.

Nguồn tài trợ quốc tế, vốn ODA, vốn khí hậu và các chương trình giảm phát thải toàn cầu ưu tiên bố trí cho các hợp phần về MRV, chuyển giao công nghệ, thử nghiệm tín chỉ các-bon, đào tạo và nâng cao năng lực cho các tổ chức, cá nhân tham gia.

Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ các chính sách và quy định hiện hành, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ động phối hợp với Sở Tài chính và các ngành liên quan tham mưu, đề xuất nhu cầu kinh phí thực hiện hằng năm bảo đảm phù hợp với quy định và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh. Nguồn kinh phí tập trung phục vụ các nội dung trọng tâm gồm: phát triển các sản phẩm trồng trọt “phát thải thấp”; xây dựng các mô hình thí điểm; triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học - công nghệ; thực hiện công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn; đầu tư hạ tầng hỗ trợ sản xuất xanh, tuần hoàn; truy xuất nguồn gốc và chứng nhận sản phẩm giảm phát thải.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai toàn bộ nội dung của Kế hoạch trên địa bàn tỉnh; lựa chọn vùng, cây trồng và mô hình ưu tiên phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của từng địa phương, đồng thời mở rộng diện tích sản xuất trồng trọt giảm phát thải.

Hằng năm xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện, tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật và hỗ trợ nông dân chuyển đổi sang canh tác trồng trọt phát thải thấp. Chủ động đề xuất các chính sách hỗ trợ đặc thù, đồng thời kiến nghị điều chỉnh, bổ sung các quy định chưa phù hợp thực tiễn nhằm thúc đẩy hiệu quả quá trình chuyển đổi sản xuất trồng trọt sang hướng giảm phát thải.

Chỉ đạo chuyên môn cho UBND các xã, phường triển khai mô hình điểm, nhân rộng diện tích áp dụng sản xuất giảm phát thải; tổ chức giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện.

Thiết lập và quản lý cơ sở dữ liệu về phát thải trong ngành trồng trọt của địa phương; phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện đo lường, báo cáo định kỳ mức giảm phát thải khí nhà kính theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, cân đối và phân bổ kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch triển khai Đề án, bảo đảm phù hợp với khả năng ngân sách hằng năm và đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường và căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí triển khai Kế hoạch theo đúng quy định hiện hành.

Chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch; đồng thời xác định cơ cấu, nguồn vốn và phương án huy động các nguồn lực tài chính khác (ngân sách trung ương, vốn tín dụng, doanh nghiệp, quốc tế, xã hội hóa...) để đảm bảo triển khai hiệu quả các nội dung của kế hoạch

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất trồng trọt phát thải thấp, tập trung ưu tiên nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu phát thải từ lĩnh vực trồng trọt; phát triển hệ thống MRV (đo lường - báo cáo - thẩm định) đảm bảo tính đồng bộ, liên thông dữ liệu; đồng thời nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật canh tác giảm phát thải phù hợp với từng loại cây trồng và điều kiện sản xuất của địa phương.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng cơ sở dữ liệu phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực trồng trọt bảo đảm liên thông với hệ thống kiểm kê khí nhà kính quốc gia; đồng thời phối hợp thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về sản xuất trồng trọt giảm phát thải trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất xây dựng, đăng ký và bảo hộ nhãn hiệu “Phát thải thấp” cho các sản phẩm thuộc các ngành hàng trồng trọt chủ lực của tỉnh.

5. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại; khai thác, mở rộng thị trường tiêu thụ đối với các sản phẩm trồng trọt có tiềm năng sản xuất phát thải thấp.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường đẩy mạnh công tác vận động, hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng, quảng bá thương hiệu, kết nối thị trường, thúc đẩy thương mại cho các sản phẩm trồng trọt phát thải thấp của tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Trên cơ sở nội dung của Kế hoạch, xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội như kế hoạch sản xuất trồng trọt, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu và các chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có).

Chủ động phân bổ, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực thực hiện Đề án, bao gồm ngân sách địa phương và các nguồn lực hợp pháp khác.

Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ cơ sở, người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp về lợi ích của sản xuất phát thải thấp, khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng và các tổ chức tại địa phương.

Có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện đo lường, báo cáo định kỳ mức giảm phát thải khí nhà kính theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

7. Doanh nghiệp, hợp tác xã và các hiệp hội ngành hàng trồng trọt

Tuyên truyền, vận động hội viên tích cực tham gia các mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải; tham gia xây dựng và tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển thương hiệu nông sản giảm phát thải gắn với truy xuất nguồn gốc và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Đầu tư, ứng dụng công nghệ, thiết bị và quy trình sản xuất giảm phát thải; tham gia phát triển thị trường, xây dựng và quảng bá nhãn hiệu phát thải thấp, góp phần khẳng định thương hiệu ngành hàng nông sản xanh, bền vững.

Phối hợp tổ chức truyền thông, tập huấn, nâng cao nhận thức về sản xuất trồng trọt giảm phát thải; tham gia góp ý, phản biện chính sách, chia sẻ dữ liệu và hỗ trợ giám sát, báo cáo phát thải trong chuỗi cung ứng.

Các hợp tác xã tổ chức và vận động nông dân sản xuất tập trung theo hướng phát thải thấp, chủ động liên kết với doanh nghiệp trong chuỗi giá trị nông sản phát thải thấp, đóng vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp, người dân và cơ quan quản lý nhà nước.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, chủ động triển khai các nội dung tại Kế hoạch này; định kỳ **trước ngày 10/12** hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh. Trong quá trình thực hiện, nếu khó khăn, vướng mắc, báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Công thương, KH-CN;
- UBND các xã, phường;
- Các DN, HTX, hiệp hội ngành hàng;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT, XD-TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Phước

PHỤ BIỂU
PHÁT TRIỂN CÁC SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT PHÁT THẢI THẤP
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /10/2025 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Sản phẩm chủ lực/đặc trưng	Vùng sản xuất/địa bàn phát triển	Diện tích dự kiến (ha)	Giải pháp kỹ thuật giảm phát thải áp dụng	Cơ quan, đơn vị chủ trì/đơn vị phối hợp
1	Lúa nước	Các vùng sản xuất lúa, tập trung chuyên canh: Tú Lệ, Liên Sơn, P. Trung Tâm, P. Cầu Thia, Văn Chấn, Đông Cuông, Mậu A, Xuân Ái, Lâm Thượng, Lục Yên, Mường Lai, Thác Bà, Bảo Ái, Trấn Yên, Lương Thịnh, Bảo Yên, Bảo Hà, Nghĩa Đô, Xuân Hòa, Bảo Thắng, Gia Phú, Tầng Lỏong, Văn Bàn, Võ Lao, Khánh Yên, Dương Quỳnh, Minh Lương, Hợp Thành, Dền Sáng, Trịnh Tường, Bản Xèo, Bát Xát, Xuân Quang, Bảo Thắng, Tầng Lỏong, Gia Phú, Mường Bo, Bắc Hà, Bản Lầu	36.000	- Ứng dụng công nghệ tưới khô ướt xen kẽ (AWD), canh tác lúa cải tiến (SRI), 3 giảm 3 tăng (3G3T), 1 phải 5 giảm (1P5G) và rút nước giữa vụ trong canh tác lúa nước. - Sử dụng phân hữu cơ và giống năng suất cao. - Giảm sử dụng phân đạm, thuốc BVTV tổng hợp. - Xây dựng các mô hình xử lý rơm rạ	Sở Nông nghiệp và trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường liên quan
2	Rau an toàn, rau hữu cơ	Vùng sản xuất rau tập trung và rau nhà lưới: P. Âu Lâu, P. Văn Phú, Mậu A, Xuân Ái, Lục Yên, Trấn Yên, P. Trung Tâm, P. Cầu Thia, Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương	2.000	- Sản xuất theo quy trình VietGAP/hữu cơ. - Ứng dụng tưới nhỏ giọt, phân bón hữu cơ, quản lý sâu bệnh sinh học. - Sử dụng phụ phẩm làm phân compost.	Sở Nông nghiệp và trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường liên quan
3	Chè	Vùng nguyên liệu chè: Mường Khương, Pha Long, Bản Lầu, Cao Sơn, Mường Hum, A Mú Sung, Bảo Yên, Xuân Hòa, Phong Hải, Tầng Loong, Bản Liền, Tả Củ Tỷ, Gia Hội, Văn Chấn, Chấn Thịnh, Nghĩa Tâm.	15.000	- Sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh, quản lý cỏ bằng cơ học, tận dụng phụ phẩm làm phân - Ứng dụng năng lượng tái tạo (sấy chè bằng năng lượng mặt trời).	Sở Nông nghiệp và trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường liên quan

4	Cây ăn quả ôn đới	Vùng có tiềm năng, lợi thế: Xã Bắc Hà, Si Ma Cai, Phường Sa Pa, Tả Van Chư, phường Trung tâm, Hạnh phúc, Phình Hồ, Trạm Tấu	5.000	- Canh tác hữu cơ, ủ gốc giữ ẩm, bón phân sinh học - Sử dụng phụ phẩm làm phân compost	Sở Nông nghiệp và trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường liên quan
5	Cây dược liệu	Xã Bát Xát, Ý Tý, Bản Xèo, Sa Pa, Ngũ Chỉ Sơn, Tả Phìn, Tả Củ Tỷ, Lũng Phình, Si Ma Cai, Sín Chéng, Nậm Có, Lao Chải, Khao Mang, Mù Cang Chải, Púng Luông, Hạnh Phúc, Thượng Bằng La	5.000	- Áp dụng tiêu chuẩn GACP-WHO, không sử dụng phân hóa học, thuốc BVTV tổng hợp. - Tưới tiết kiệm.	Sở Nông nghiệp và trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường liên quan
6	Cây chuối, dứa	Phát triển sản xuất chuyên canh, áp dụng phương pháp rải vụn và tiến bộ khoa học kỹ thuật: Bản Lầu, Bảo Yên, Trịnh Tường, A Mú Sung, Phong Hải, Bảo Thắng, Phường Lào Cai, Bảo Hà, Xuân Ái	6.000	- Tưới tiết kiệm, phân hữu cơ, không đốt phụ phẩm - Quản lý cỏ, sâu bệnh sinh học	Sở Nông nghiệp và trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường liên quan
7	Cây ăn quả có múi	Xây dựng vùng sản xuất tập trung theo hướng VietGAP, cấp mã số vùng trồng: Mường Khương, Bản Lầu, Bảo Yên, Trịnh Tường, A Mú Sung, Phong Hải, Bảo Thắng, Phường Lào Cai, Xuân Quang, Khánh Yên, Bảo Hà, Cát Thịnh, Thượng Bằng La, Chấn Thịnh, Khánh Hòa, Thác Bà	5.000	- Tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp, tận dụng nguồn phân compost, khí sinh học. - Quản lý cỏ, sâu bệnh sinh học	Sở Nông nghiệp và trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường liên quan